NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU THÂN THẾ và SỰ NGHIỆP

KỶ NIỆM 100 NĂM
NGÀY MẤT NHÀ THƠ
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
(3-7-1888 — 3-7-1988)

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN BẾN TRE

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN BẾN TRE

KỶ NIỆM LẦN THỨ 100 NGÀY MẤT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
(3-7-1888 — 3-7-1988)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU THÂN THẾ & SỰ NGHIỆP

ỤU VIỆN
UYỄN ĐÌNH CHIỂU
BẾN TRE

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN BẾN TRE
1988

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

I

CUỘC ĐỜI CỦA NHÀ THƠ LỚN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU :

Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ, tức ngày 1 tháng 7 năm 1822 tại làng Tân Khánh, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc vùng Cầu Kho, thành phố Hồ Chí Minh).

Thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu là Nguyễn Đình Huy tự Dương Minh Phủ quê ở Thừa Thiên vào Gia Định khoảng năm 1822 làm Thư lại trong dinh Tổng trấn Gia Định thành của Tả quân Lê Văn Duyệt. Vào Gia Định, Nguyễn Đình Huy cưới người vợ thứ là bà Trương Thị Thiệt người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, sinh được bảy người con, Nguyễn Đình Chiểu là con đầu lòng.

Nguyễn Đình Chiểu sinh ra trong thời kỳ chế độ phong kiến mục nát bộc lộ những mâu thuẫn xã hội gay gắt và đang đi vào con đường bế tắc. Tình hình nước nhà dưới triều Nguyễn thật bi đát. Nông dân ngày càng bần cùng hóa. Ruộng đất hầu hết đều nằm

trong tay triều đình, quan lại và địa chủ phong kiến. Nông dân nhiều nơi không có một tấc đất cắm dùi. Tô, thuế, sưu, dịch hết sức nặng nề. Nạn đói và bệnh dịch hoành hành nhiều nơi. Hàng vạn người chết đói và chết vì bệnh dịch, nhiều nơi dân đói khổ quá phải bỏ làng kéo đi tha phương cầu thực. Phong trào nông dân chống lại triều đình nổ ra ở nhiều nơi, như Phan Bá Vành (1821) Lê Duy Lương và Lê Duy Hiền (1831), Lê Văn Khôi (1833), Nùng Văn Vân (1833), Lê Duy Cừ và Cao Bá Quát (1854), Lê Duy Minh và Trần Văn Tùng 1858), Nguyễn Văn Thịnh tức Cai Vàng (1862) v.v...

Năm Quý Tị (1833) Lê Văn Duyệt chết, Minh Mạng vốn ghét Lê Văn Duyệt vì Duyệt chủ trương tăng cường quyền hành địa phương của dinh Tổng trấn, vả lại Duyệt là một người không ủng hộ việc đưa Minh Mạng lên ngôi vua, nhưng vì Lê Văn Duyệt vốn thuộc hàng khai quốc công thần của Gia Long lại nắm nhiều binh quyền, uy thế rất lớn nên Minh Mạng khó trừng trị ông ta. Khi Lê Văn Duyệt chết, bọn quan lại tay sai của Minh Mạng đến thay Duyệt như Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, Bố chánh Bạch Xuân Nguyên đã dựng lên vụ án Lê Văn Duyệt có âm mưu khởi loạn, Lê Văn Duyệt bị truất hết chức vụ, xiềng mã, toàn bộ gia nhân bị hạ ngục, chức Tổng trấn Gia Định thành bị bãi bỏ. Lê Văn Khôi con nuôi của Lê Văn Duyệt được sự ủng hộ của tù nhân, binh lính và nhân dân địa phương đã nổi dậy chống lại triều đình, chiếm thành Phiên An (Sài Gòn) bắt giết Nguyễn Văn Quế và Bạch Xuân Nguyên. Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Gia Định kéo dài đến năm 1835 thì bị triều đình nhà Nguyễn đàn áp hết sức dã man hàng ngàn người bị giết và chôn chung vào một huyệt lớn mà triều đình Nguyễn gọi là « Mả Ngụy ».

Khi cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi bùng nổ ở Gia Định, Nguyễn Đình Huy thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu bỏ nhiệm sở trốn về Huế và bị triều đình cách chức. Sau đó ông tìm cách đưa Nguyễn Đình Chiểu ra Huế ở nhờ nhà một người bạn thân để Nguyễn Đình Chiểu có điều kiện học hành, năm đó Nguyễn Đình Chiểu được 12 tuổi.

Sau tám năm chăm chỉ học hành, năm 1840, Nguyễn Đình Chiểu về Gia Định. Tại trường thi Hương Gia Định khoa thi năm Quí Mão (1843), Nguyễn Đình Chiểu đỗ Tú tài, năm ấy ông được 21 tuổi.

Năm Bính Ngọ (1846) Nguyễn Đình Chiểu ra Huế học chờ ngày dự khoa thi Hội năm Kỷ Dậu (1849) tại kinh đô, nhưng chưa đến ngày thi thì ông được tin mẹ mất. Gặp tin buồn đột ngột Nguyễn Đình Chiểu quyết định bỏ thi cùng với người em trở về Nam chịu tang mẹ. Trên đường đi vì thương khóc và bệnh hoạn xảy ra dọc đường ông bị mù mắt. Trong thời gian bị bệnh ông ngụ tại nhà ông lang Trung tại Quảng Nam để dưỡng bệnh và cũng tại đây ông học được nghề thuốc. Năm ấy Nguyễn Đình Chiểu 27 tuổi.

Bị tật nguyền, dở dang việc công danh đang độ tuổi thanh xuân, Nguyễn Đình Chiểu rất đau lòng về cảnh ngộ của mình. Tuy vậy ông không nản chí, con đường lập thân bằng khoa cử không còn hy vọng, ông quyết tâm đem sở học của mình làm những việc có ích cho đời, có lợi cho nhân dân.

Sau khi mãn tang mẹ, Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học ở Bình Vi (Gia Định), tiếp tục nghiên cứu nghề làm thuốc và bắt đầu sáng tác thơ văn. Trước đây ông đặt tên hiệu cho mình là Mạch Trạch Phủ hay

Trọng Phủ, sau khi bị mù lòa ông lấy thêm biệt hiệu là Hối Trai (cái nhà tối). Từ khi gặp phải cảnh không may trở thành người tàn tật, đời riêng của ông thêm lắm nỗi đau buồn. Khi ông vừa đỗ Tú tài ở Gia Định, một nhà phú hộ trong vùng đã hứa gả con gái cho ông, nhưng khi ông bị mù thì nhà kia bội ước. Ngoài 30 tuổi, Nguyễn Đình Chiểu vẫn sống độc thân và tìm nguồn vui trong việc dạy dỗ môn sinh, thỉnh thoảng lại giúp chữa bệnh cho đồng bào.

Một người học trò của Nguyễn Đình Chiểu là Lê Tăng Quỳnh người làng Thanh Ba, Cần Giuộc, rất mến phục tài đức và thông cảm sâu sắc với cảnh ngộ của thầy đã xin với gia đình gả em gái thứ năm là Lê Thị Điền cho người thầy học của mình. Đây là thời kỳ Nguyễn Đình Chiểu vừa dạy học vừa sáng tác truyện thơ Lục Vân Tiên nổi tiếng, một tác phẩm mang tính chất tự truyện của tác giả.

Trong lúc Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều tai biến thì tình hình đất nước ngày càng lâm vào cảnh rối ren. Năm 1858, giặc Pháp nổ súng đánh chiếm cửa Hàn (Đà Nẵng) mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Ngày 17-2-1859, Pháp đưa chiến thuyền theo cửa biển Cần Giờ vào đánh chiếm thành Gia Định. Từ đây Nguyễn Đình Chiểu cùng chung số phận với nhân dân trong hoàn cảnh đất nước quê hương nhuộm màu khói lửa.

Giặc Pháp chiếm thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu về quê vợ tại làng Thanh Ba, Cần Giuộc. Trong những ngày sống tại Cần Giuộc ông đã chứng kiến tội ác dã man của giặc và cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng của nghĩa quân ở các vùng

xung quanh và chính tại nơi ông cư ngụ. Dù đã mù lòa, nhưng Nguyễn Đình Chiểu hết sức gắn bó với nghĩa quân yêu nước, ông vẫn thường xuyên thư từ liên lạc với những người lãnh đạo nghĩa quân. Em út của ông là Nguyễn Đình Huân chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân của Đốc binh Là hoạt động trong vùng Tân An. Bạn đồng khoa, cử nhân Đỗ Trình Thoại chỉ huy nghĩa quân hoạt động vùng Biên Hòa, Gia Định.

Thời gian ở Cần Giuộc, Nguyễn Đình Chiểu đã hoàn thành sáng tác truyện Dương Từ—Hà Mậu, trong đó ông phê phán những điều vô lý của đạo Phật và đạo Thiên chúa, đề cao đạo lý làm người của đạo Nho. Cũng chính trong thời gian nầy ông đã viết tác phẩm nổi tiếng « Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc ».

Ngày 14-12-1861, quân Pháp đánh chiếm Cần Giuộc, Tân An, Gò Công. Ba tỉnh miền Đông lần lượt rơi vào tay giặc.

Tình hình đất nước ngày một đen tối, triều đình nhà Nguyễn nhu nhược ươn hèn đã ký hiệp ước năm 1862 nhượng ba tỉnh miền Đông Nam bộ (Gia Định, Biên Hòa, Định Tường) và đảo Côn Lôn cho Pháp, thừa nhận quyền tự do thông thương, tự do truyền đạo và bồi thường chiến phí 20 triệu phơ-răng trong vòng 10 năm. Khắp nơi trong vùng giặc chiếm, sĩ phu yêu nước kéo nhau tị địa về ba tỉnh miền Tây lúc bấy giờ còn dưới sự kiểm soát của triều đình. Nguyễn Đình Chiểu và gia quyến phải rời Cần Giuộc về Ba Tri và sống ở đây cho đến cuối đời. Các lãnh tụ nghĩa quân như Trương Định và nhiều người khác đã chống lại lệnh giải binh của triều đình, tự động dựng cờ chống Pháp, tổ chức duy trì và mở rộng cuộc

kháng chiến ở vùng Gia Định—Gò Công. Trương Định theo nguyện vọng của nhân dân không tuân lệnh điều động đi nơi khác của triều đình, ở lại Gò Công cùng với nhân dân đánh giặc, được nhân dân suy tôn là « Bình Tây Đại nguyên soái ». Căn cứ của Trương Định đặt tại Gò Công, nhưng tầm hoạt động của ông rất rộng. Từ Gò Công, Trương Định liên kết với nghĩa quân của Đỗ Trình Thoại ở Bình Hòa, Phan Văn Đạt và Lê Cao Dõng ở Tân An, Nguyễn Văn Lịch tức Nguyễn Trung Trực ở Nhật Tảo, phủ cậu Trần Xuân Hòa ở Thuộc Nhiêu, Mỹ Tho... và đã trở thành người lãnh đạo kiệt xuất của phong trào. Nguyễn Đình Chiểu không trực tiếp tham gia đánh giặc, nhưng ông hoàn toàn tán thành hành động chống lại « thiên tử chiếu » của Trương Định và các sĩ phu chống Pháp. Ông thường có thư từ liên hệ với Trương Định và một số lãnh tụ nghĩa quân. Trương Định rất mến phục ông, thường gửi thư hỏi ý kiến về việc dân việc nước.

Trong thời gian về Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu đã cùng với Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt sáng tác thơ văn phê phán sự nhu nhược của triều đình và bọn quan lại bất tài, vạch mặt xấu xa của bọn nho sĩ đầu hàng giặc như Tôn Thọ Tường.

Phong trào tự động kháng chiến của nhân dân mặc dù rất oanh liệt, nhưng không ngang sức với kẻ thù, rốt cuộc đều chịu thất bại rất đau đớn. Năm 1864, Trương Định bị phản bội, trong chiến đấu ông bị thương nặng và tự sát không để rơi vào tay địch, nghĩa quân lần lượt tan rã.

Năm 1867, giặc Pháp chiếm đóng luôn ba tỉnh miền Tây Nam bộ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), Phan

Thanh Giản uống thuốc độc tự tử. Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân tạm lắng một lúc rồi lại bùng lên. Phan Liêm và Phan Tôn nổi lên ở Bến Tre. Nguyễn Hữu Huân sau 7 năm bị đày ở nước ngoài trở về lại khởi nghĩa ở Mỹ Tho. Nguyễn Trung Trực khởi binh ở Rạch Giá. Anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự hoạt động ở vùng Cần Thơ, Bạc Liêu, Phan Tòng ở Ba Tri. Phong trào « đạo lành » của Trần Văn Thành ở Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc. Nguyễn Văn Bường và Phạm Văn Hớn khởi nghĩa ở vùng Bà Điểm, Hóc Môn. Tuy nhiên, những phong trào này cuối cùng cũng bị giặc Pháp đàn áp tan rã. Tiếp theo, năm 1873, thành Hà Nội thất thủ lần thứ nhất, Nguyễn Tri Phương trúng đạn rồi tuyệt thực chết. Năm 1882 Hà Nội thất thủ lần thứ hai, Hoàng Diệu tuẫn tiết. Năm 1885, giặc Pháp chiếm kinh thành Huế, vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị xuống chiếu kêu gọi cần vương. Năm 1888, Hàm Nghi bị bắt và bị đày đi An-giê-ri. Niềm hy vọng của mọi người và riêng Nguyễn Đình Chiểu về công cuộc chống Pháp giữ gìn đất nước đến đây đành tắt hẳn.

Cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược của nghĩa quân tuy phải chịu thất bại vì sức yếu, thế cô, nhưng gương hy sinh anh dũng của nhân dân và các lãnh tụ nghĩa quân vẫn chói ngời trong tâm trí mọi người. Hồ Huân Nghiệp ngâm thơ trước khi chịu chết. Thủ Khoa Huân khi giặc đưa ra xử chém thái độ rất bình tĩnh ung dung. Phan Văn Đạt chửi mắng kẻ thù trước khi ngã xuống. Nguyễn Trung Trực trước giờ bị hành hình đã nói với kẻ thù : « Bao giờ đất nầy hết cỏ thì mới hết người Nam đánh Tây ».

Lịch sử đau thương nhưng oanh liệt của dân tộc, tấm gương hy sinh anh dũng của những anh hùng liệt

sĩ có tên và không tên đã làm cho Nguyễn Đình Chiểu cảm xúc hết sức mãnh liệt, ngòi bút yêu nước của ông đã phản ánh những tấm gương ấy dưới nhiều thể loại văn học khác nhau một cách đậm đà, sâu sắc, rung động lòng người. Văn thơ yêu nước chống Pháp là một mảng sáng tác lớn giàu tính chiến đấu, đỉnh cao trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác văn học của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu.

Những ngày sống ở Ba Tri là những ngày đau buồn nhất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, những người bạn đồng tâm đồng chí phần lớn đã hy sinh, số còn lại tị địa ra Bình Thuận. Ông sống âm thầm đau khổ vừa dạy học vừa làm thuốc giúp dân. Thời gian này ông đem hết tâm huyết gửi gắm vào các bài văn tế, thơ điếu đầy bi tráng thương khóc những người vì nước quên mình và sáng tác truyện Ngư tiều y thuật vấn đáp có nội dung vừa dạy thuốc vừa dạy người, trong đó nổi bật lên tâm hồn và ý chí thương dân, yêu nước, khí phách kiên trung bất khuất của chính bản thân tác giả.

Bọn thực dân Pháp rất xảo quyệt, chúng biết Nguyễn Đình Chiểu có uy tín lớn trong nhân dân nên tìm cách mua chuộc ông. Tên Misen Pôngsông (Michel Ponchon), chủ tỉnh Bến Tre mấy lần đến nhà gặp Nguyễn Đình Chiểu. Hắn giả vờ xin ông nhuận sắc cho tập thơ Lục Vân Tiên mà hắn cho là một tác phẩm rất đáng trân trọng. Hắn tỏ ý muốn cấp tiền dưỡng lão cho ông lúc tuổi già. Lần cuối cùng hắn đặt vấn đề trả lại đất đai cũ nơi quê nhà của ông ở Gia Định mà chúng đã chiếm đoạt. Những lần gặp gỡ và đối diện với tên Pôngsông, Nguyễn Đình Chiểu đã tỏ thái độ dứt khoát, khẳng khái từ

chối mọi đề nghị của kẻ thù. Ông đã thẳng thừng trả lời Pôngsông: « Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao ? ». Cuối cùng Pôngsông hỏi ông muốn gì ? Ông nói : Muốn được làm lễ tế nghĩa sĩ lục tỉnh trận vong, những người vì nước quên mình mà ông rất kính phục.

Tại chợ Đập (chợ Ba Tri ngày nay), Nguyễn Đình Chiểu đã cùng với nhân dân công khai tổ chức trọng thể lễ tế nghĩa sĩ lục tỉnh trận vong. Bài « văn tế lục tỉnh sĩ dân trận vong » do ông sáng tác và đọc tại buổi lễ đã làm cho hàng ngàn người có mặt xúc động không cầm nước mắt. Buổi lễ đã gây ấn tượng sâu sắc trong nhân dân về « khúc ca của những người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang » và đã trở thành sự kiện có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với nhân dân ở nhiều nơi trong vùng kể từ khi giặc Pháp hoàn thành việc chiếm đóng Nam kỳ lục tỉnh.

Trong những ngày cuối cùng, nhà thơ sống trong cảnh nghèo nàn thanh bạch với sự thương yêu đùm bọc của nhân dân.

Ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý, tức là ngày 3-7-1888, Nguyễn Đình Chiểu qua đời trong một căn nhà nhỏ tại làng An Bình Đông (gần chợ Ba Tri, thuộc xã An Đức ngày nay), thọ 66 tuổi. Nhân dân, bạn bè, học trò và con cháu đưa đám ma ông rất đông, khăn tang trắng cả cánh đồng An Đức nơi ông yên nghỉ cuối cùng cách chợ Ba Tri 2 cây số.

Từ khi Nguyễn Đình Chiểu mất cho đến nay, hàng năm đến ngày giỗ ông, nhân dân trong vùng Ba Tri và nhân sĩ trí thức có tinh thần dân tộc yêu nước ở khắp nơi đều tổ chức kỷ niệm ông với,

nhiều hình thức tưởng nhớ, đậm đà lòng yêu mến, một con người tiêu biểu cho lòng yêu nước và đạo lý làm người Việt Nam cuộc đời tuy chịu nhiều điều đau khổ nhưng tiết tháo rất thanh cao.

Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với vận mệnh của đất nước và nhân dân trong cả một giai đoạn lịch sử bi tráng của dân tộc. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu phản ánh trung thành biến cố của cả một thời đại, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của nhân dân ta trong nửa cuối thế kỷ 19. Nhà thơ lớn của dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu, xứng đáng là ngọn cờ đầu của dòng văn học yêu nước Việt Nam cận đại.

II

SỰ NGHIỆP THƠ VĂN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1 — Sự nghiệp sáng tác thơ văn của nhà thơ gắn chặt với vận mệnh của đất nước và những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc thời kỳ cận đại.

Quá trình sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu có thể chia ra làm 3 thời kỳ với hoàn cảnh đất nước và hoàn cảnh cá nhân có những đặc điểm khác nhau.

— Thời kỳ Nguyễn Đình Chiểu bị mù lòa mở trường dạy học tại Bình Vi (Gia Định) giặc Pháp bắt đầu thực hiện âm mưu xâm lược nước ta, nhân dân cả nước đang đứng trước nguy cơ nghèo đói, nạn thất mùa, dịch bệnh và họa ngoại xâm (1850—1858).

Tác phẩm chủ yếu mà cũng là tác phẩm đầu tiên của nhà thơ trong thời kỳ này là truyện thơ Lục Vân Tiên mang tính chất tự truyện của tác giả.

Cũng trong thời kỳ nầy, Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu sáng tác truyện Dương Từ — Hà Mậu (năm 1843 thực dân Pháp nổ súng thị uy ở Đà Nẵng đòi thả các linh mục đạo Thiên chúa bị bắt giam ở Huế. Năm 1847, Pháp công khai gây hăn bắn chìm chiến thuyền của triều đình Huế ở cửa Hàn. Năm 1851, triều đình Huế ban dụ cấm đạo Thiên chúa nghiêm ngặt hơn trước).

Khi quân Pháp vào đánh chiếm thành Gia Định Nguyễn Đình Chiểu viết bài thơ «chạy giặc» và sau đó về ở quê vợ làng Thanh Ba, Cần Giuộc.

— Thời kỳ Nguyễn Đình Chiểu về Cần Giuộc cho đến khi giặc Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam bộ (1859—1862).

Thời kỳ nầy Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục hoàn thành tác phẩm Dương Từ — Hà Mậu, đồng thời sáng tác một số văn thơ yêu nước mà tác phẩm nổi tiếng nhất là « Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc ».

— Thời kỳ giặc Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam bộ, Nguyễn Đình Chiểu về Ba Tri dạy học và làm thuốc cho đến lúc qua đời (1862—1888).

Khi rời Cần Giuộc về Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài thơ « Từ biệt cố nhân ».

Tại Ba Tri khi được tin Trương Định hy sinh tại Gò Công (1864) ông viết bài văn tế và 12 bài thơ liên hoàn điếu Trương Định.

Phan Tòng khởi binh ở Giồng Gạch, Ba Tri, rồi hy sinh tại Gò Trụi (1867) Nguyễn Đình Chiểu viết 10 bài thơ liên hoàn điếu Phan Tòng.

Cũng trong thời gian nầy ông sáng tác bài « Tế lục tỉnh sĩ dân trận vong văn » (bài văn này Nguyễn Đình Chiểu đã đọc trong buổi lễ tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh tại chợ Ba Tri năm 1883).

Tác phẩm cuối đời của Nguyễn Đình Chiểu là tập truyện thơ « Ngư tiều y thuật vấn đáp ».

2— Những tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân và còn lại đến ngày nay.

Có thể chia thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu thành hai bộ phận chủ yếu :

— Các truyện thơ nôm :

Lục Vân Tiên.

Dương Từ — Hà Mậu.

Ngư tiều y thuật vấn đáp.

— Thơ văn yêu nước chống Pháp gồm các bài thơ lẻ, văn tế, thơ điếu, những bài thơ, bài hát, đối thoại của các nhân vật trong các tác phẩm Dương Từ — Hà Mậu và Ngư tiều y thuật vấn đáp như :

Chạy giặc.

Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc.

Từ biệt cố nhân.

Ngựa Tiêu sương.

Con dê.

Trời bão.

Nước lụt.

Cáo thị.

Văn điếu Trương Định.

Thơ điếu Trương Định (12 bài liên hoàn).

Thơ điếu Phan Tòng (10 bài liên hoàn).

Văn tế lục tỉnh sĩ dân trận vong.

Hịch đánh chuột.

Thơ cho em.

Các bài thơ, bài hát và trích đoạn trong các tác phẩm Dương Từ — Hà Mậu và Ngư tiều y thuật vấn đáp.

Ngoài ra còn có 5 bài thơ lẻ, nhiều người cho là của Nguyễn Đình Chiểu nhưng vẫn còn trong dạng tồn nghi chưa được xác định (Than thời sự I và II, Tứ Thứ qui Tào, Thất Kinh Châu, Thư gửi ông Đoàn Ngọc Thơ ở Cần Giuộc).

3— Giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn bộ cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được người đương thời, nhân dân và các nhà nghiên cứu văn học ở nước ta và trên thế giới hiện nay trân trọng và đánh giá rất cao về giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Xin trích lược một số ý kiến đánh giá tiêu biểu nhất :

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu chúng đặt chân trên đất nước ta... Vì mù cả hai mắt, hoạt động của người chiến sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là thơ văn. Và những tác phẩm đó, ngoài giá trị văn nghệ, còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm

Ủ VIỆN
UYỄN ĐÌNH CHIỂU
BẾN TRE

hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả và ghi lại lịch sử của một thời khổ nhục nhưng vĩ đại ! (Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc, tạp chí văn học 7-1963).

Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu toát lên một tư tưởng nhân nghĩa lớn, bao trùm quan hệ xã hội, nhưng cốt lõi là tình yêu nước thương dân sâu sắc... qua việc nghiên cứu các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta còn nhấn mạnh một điểm là tính nhân dân, tư tưởng nhân nghĩa, tư tưởng yêu nước, yêu dân của nhà thơ quán xuyến toàn bộ tác phẩm của ông. Cái vĩ đại của cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu căn bản là ở chỗ đó... Bài học lớn của Nguyễn Đình Chiểu là bài học của một con người vĩ đại, ở vào một thế bi kịch mà ý chí và đạo đức của mình đã có thể giúp ích cho đời một cách tối đa (Hà Huy Giáp, Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn yêu nước, chống xâm lăng, một tâm hồn dằng dặc nhân nghĩa, một tấm gương kiên trung và bất khuất — Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật, NXB KHXH Hà Nội 1973).

Lửa thiên chính khí của Nguyễn Đình Chiểu sáng lên đầu ngòi bút ông, ngòi bút đó không ngừng động viên giáo dục truyền thống hào khí dân tộc, góp phần bồi dưỡng tâm hồn cho đông đảo nam nữ, nhứt là thế hệ trẻ trong sự nghiệp anh hùng giữ nước và dựng nước ngày nay (Cu Văn Thỉnh, góp thêm vài ý kiến tìm hiểu Nguyễn Đình Chiểu và hào khí dân tộc — Kỷ yếu hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu, SVHTT Bến Tre 1984).

Nội dung tư tưởng là hòn ngọc trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Trong văn chương

của Nguyễn Đình Chiểu, hình thức nghệ thuật luôn luôn chứa đựng một hệ thống triết lý nhân sinh sâu sắc, gần như nhất quán. Người thế hệ trước cũng như thế hệ bây giờ, chúng ta đều mến phục Nguyễn Đình Chiểu bởi vì tư tưởng tiến bộ toát ra từ mỗi tác phẩm, từ cả cuộc đời của cụ... Triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu lấy nhân nghĩa làm gốc... những đoạn văn luận về mù và sáng, chính và tà, là những đoạn văn tuyệt tác về phương diện đạo lý cũng như về phương diện nghệ thuật, có sức cảnh tỉnh người còn mê muội, có sức củng cố người đã giác ngộ, đó là những ngọn bút thép đâm thẳng vào mặt lũ bán nước buôn dân (Trần Văn Giàu, vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu — Nguyễn Đình Chiểu tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật, NXB KHXH Hà Nội 1973).

Chỉ vì tật nguyền — mù cả hai mắt — mà Nguyễn Đình Chiểu không thể tham gia chiến đấu trực tiếp. Nhưng khí phách anh hùng, tinh thần khảng khái bất khuất của ông đặt ông vào vị trí của một người kế thừa xứng đáng truyền thống vẻ vang của nền văn học kinh điển Việt Nam mà 500 năm trước đó, nhà văn hóa thiên tài và anh hùng dân tộc vĩ đại Nguyễn Trãi dưới lá cờ « Lấy đại nghĩa thắng hung tàn. Đem chí nhân thay cường bạo » — Là người khai sáng. Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi mà Nguyễn Đình Chiểu là người kế thừa muộn màng nhưng không lạc hậu, là biểu tượng cho ý thức dân tộc cao, chín muồi và hoàn chỉnh trong điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của châu Á thời trung đại. (Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Đình Chiểu người chiến sĩ yêu nước, nổi hồi trống xuất trận đầu tiên của nhân dân Nam bộ đánh đuổi quân giặc cướp nước phương Tây — kỷ yếu hội nghị khoa học về Nguyễn Đình Chiểu, SVHTT Bến Tre 1984).

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ mù của nền văn học Việt Nam, một nhà thơ lớn, lá cờ đầu của nền thơ văn yêu nước từ cuối thế kỷ XIX. Vinh dự cho nhà thơ mù ấy, là đặc biệt tượng trưng cho sự sáng suốt của tấm lòng, của trí tuệ... Có cái trí để hiểu biết, có cái tâm để yêu thương và có cái tài để thực hiện. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu có sự thống nhất ba mặt ấy (Xuân Diệu—Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu—Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật, NXB KHXH Hà Nội 1973).

Uy tín lớn lao về đạo đức của Đồ Chiểu (mà ông đúng là một nhà giáo có rất nhiều học trò), thái độ bất hợp tác của ông đối với bọn thực dân, đã khiến cho nhà thơ trở thành một sức mạnh lớn lao, mặc dù ông không có binh tướng trong tay. Về thực chất, Nguyễn Đình Chiểu là linh hồn của phong trào chống Pháp, là người cổ vũ phong trào đó. Và văn thơ của ông đã tìm được con đường đi thẳng vào trái tim nhân dân (N.Niculin, nhà nghiên cứu văn học Liên Xô).

Sách vở xưa cả, chính trị, tôn giáo, đạo đức, triết học, nhưng chính là đạo lý ở đời, đạo lý làm người, và làm người trong hoàn cảnh bấy giờ. Sự việc hàng mấy mươi thế kỷ, rút lại mỗi triều đại, mỗi câu, ở chính cái lõi của lõi trong đó, rồi hình tượng hóa nó ra thành sự vật cụ thể, gần gũi. Cái tài khái quát hóa, cụ thể hóa ấy dễ mấy ai bì kịp. Nhưng cái chính là tấm lòng, bởi đằng sau chữ nghĩa là thời sự trước mắt và sức lao động của lời thơ lại là tâm tư thái độ tác giả. Đạo lý không còn khô khan mà trở thành « đạo vị, mùi đạo », có vị, có mùi trở thành cảm xúc, máu xương của con người. Nói đạo lý bằng lời của trái tim, đó là chỗ độc đáo, cũng là chỗ tài ba cao cả của Cụ Đồ

(Lê Trí Viễn—Lời tựa Ngư tiều y thuật vấn đáp, SVHTT Long An 1982).

III

NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ THƠ LỚN

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng về một người trí thức yêu nước sống và lao động nghệ thuật trong hoàn cảnh lịch sử đất nước trải qua một « thời khổ nhục nhưng vĩ đại ».

Nhà yêu nước, nhà thơ lớn, con người tiêu biểu cho truyền thống yêu nước và truyền thống văn hóa của quê hương đã sống một cuộc đời trọn vẹn và đã để lại cho chúng ta những bài học lớn mãi mãi rực sáng trong cuộc sống hằng ngày.

1— Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương sáng về tinh thần yêu nước thương dân. Toàn bộ cuộc đời ông từ ý nghĩ đến hành động đều thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, sâu sắc. Sự nghiệp thơ văn của ông là thơ văn yêu nước. Theo ông, nhân nghĩa là yêu nước.

Mến nghĩa bao đành làm phản nước,

Có nhân nào nỡ phụ tình nhà.

Yêu nước là tư tưởng chủ đạo, nhất quán, là đặc trưng của một con người chân chính.

Ngựa nghĩa còn cưu hồn nước cũ,

Làm người ai nỡ phụ quê hương.

Yêu nước là thương dân, những người « dân ấp, dân lân » « côi cút làm ăn, toan lo nghèo khó ». Chính vì

lòng yêu nước nồng nàn, thương dân sâu sắc và chân thật, nhà thơ đã sớm tiếp cận với chân lý nhân dân làm nên lịch sử. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo với quan điểm thực tiễn có ý nghĩa nhân văn sâu sắc là nhân tố chủ yếu xác định Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu của dòng văn học yêu nước Việt Nam cận đại.

2— Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương sáng về đạo lý làm người.

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu diễn ra không bình thường mà trải qua nhiều bi kịch. Ông bị mù lòa lúc đến tuổi vào đời, đất nước lại trải qua những cơn nguy biến lớn. Vì mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu không thể dùng gươm ông đã dùng bút để đánh giặc. Với ngòi bút sắc sảo, nhà thơ mù đã trực tiếp đánh giặc suốt cả cuộc đời. Trong cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu bao nhiêu đau khổ của con người đã dồn vào một con người trong một hoàn cảnh đau khổ nhất của đất nước. Ở vào địa vị của ông, nếu không có một tinh thần kiên nghị rất mực, một lòng yêu nước không bờ bến, một niềm tin sắt đá vào tương lai của đất nước thì khó tìm thấy được một lối thoát cho cái bi kịch của mình để trở thành một con người hữu ích. Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu nổi bật lên tư tưởng nhân nghĩa lớn, bao trùm quan hệ xã hội, mà cốt lõi là tình yêu nước, thương dân, thương người sâu sắc. Tư tưởng nhân nghĩa của ông là sự biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì dân vì nước vì phẩm giá con người, chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn, gần gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và rất xa lạ với tình thương trừu tượng khước từ nghĩa vụ đấu tranh vì hạnh phúc con người. Suốt đời Nguyễn Đình Chiểu sống và xử thế theo

phương châm « Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm. Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà ». Ta cũng có thể coi đây là tuyên ngôn của ông về sự nghiệp sáng tác thơ văn mà ông coi là phương tiện sống, lao động và chiến đấu trong cả cuộc đời mình.

3 — Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương sáng về một nhân cách lớn.

Đối với nhà thơ lớn của chúng ta cuộc đời và sự nghiệp là một. Ngòi bút của nhà thơ không chỉ là phương tiện diễn đạt tư tưởng và tình cảm, ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu trước hết là sự thể hiện toàn bộ nhân cách của một nhà thơ yêu nước. Toàn bộ cuộc đời, con người và ngòi bút của nhà thơ là vũ khí chiến đấu chống quân xâm lược, chống tội ác, bảo vệ đạo lý, nhân nghĩa truyền thống của dân tộc. Là sản phẩm của hoàn cảnh nhưng nhân cách của con người không chỉ là sản phẩm thụ động của hoàn cảnh ấy, « hoàn cảnh tạo ra con người, và trong chừng mực nào đó con người tạo ra hoàn cảnh ». Với bất cứ hoàn cảnh và cương vị xã hội nào, trước sau cho đến cuối đời mình Nguyễn Đình Chiểu vẫn thanh bạch, kiên trung, dũng cảm đương đầu với kẻ thù, với những nỗi bất hạnh của số phận cá nhân, giàu sang không quyến rũ, uy vũ không chuyển lay, sống sôi nổi, hết mình vì dân vì nước, làm việc liên tục, học tập rèn luyện bản thân không nghỉ, dạy dỗ học trò, trị bệnh giúp dân, làm thơ và đánh giặc cứu nước bằng bộ óc tham mưu cho nghĩa quân, bằng những bài hịch, thơ điếu, văn tế hừng hực khí thế chiến đấu. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu biểu hiện một nhân cách lớn, toàn diện, sáng chói phẩm chất và đạo làm người Việt Nam. Đó

là nhân cách của một người con hiếu với mẹ, một người chồng thủy chung với vợ, một người cha mẫu mực đối với các con; đó là nhân cách của một con người trung thực, khiêm tốn trong mối quan hệ bè bạn thân tình, xóm giềng quen biết; đó là nhân cách của một người dân đối với Tổ quốc và đồng bào. Cuộc đời ông là một tấm gương, nhân cách của ông là chất kim cương tỏa sáng còn mãi đến đời sau như chính lời thơ ông viết: « Sự đời thà khuất đôi tròng thịt. Lòng đạo xin tròn một tấm gương ». Đạo ở đây là đạo lý, đạo đức, là phẩm chất và nhân cách của con người. Con người đó không ai khác chính là Nguyễn Đình Chiểu.

Nhân cách Nguyễn Đình Chiểu là một bộ phận của nhân cách Việt Nam và trở thành một điển hình của nhân cách Việt Nam. Di sản của Nguyễn Đình Chiểu để lại cho đời sau không chỉ là những tác phẩm văn học lớn mà còn là tấm gương về việc rèn luyện mình để trở thành một nhân cách lớn, nhân cách của một con người chân chính.

4 — Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương sáng về lao động nghệ thuật.

Ông là một nhà thơ lớn, nhưng lớn không phải vì được đào tạo trong một nhà trường lớn. Thơ văn ông lớn chính là nhờ ông có chí lớn nhập thân giúp đời, rèn luyện trong cuộc chiến đấu vì dân, vì nước, vì đời, vì người. Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ mù, phần lớn cuộc đời ông chỉ nghe chớ không thấy, ông đọc bằng nghe người ta đọc, ông viết bằng nói cho người ta viết, tác phẩm của ông ra đời trong bi kịch của cá nhân ông và nỗi tang thương của

đất nước. Hầu hết những tác phẩm nghệ thuật của ông ra đời và tồn tại nhờ chép tay, truyền miệng, với hình thức đọc hoặc nói thơ, không có điều kiện in và xuất bản rộng rãi như bây giờ. Ông sáng tác không phải để giải buồn hay kiếm sống mà với mục đích nói lên nỗi lòng mình để mọi người cùng nghe, cùng biết, cùng hành động theo một hướng vì nước, vì dân, vì đời, vì đạo nghĩa.

Sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là kết quả của một quá trình gian khổ lao động nghệ thuật gắn bó với cuộc sống của nhân dân. Nhà nho nghèo, mù lòa, chọn thơ văn làm vũ khí đấu tranh, đã sống cuộc sống của quần chúng, cùng quần chúng chia sớt nỗi vui buồn, phấn đấu gian nan trong cảnh nhà tan nước mất. Cho nên hiện thực và cảm hứng nghệ thuật của ông bắt nguồn từ trong quần chúng, sáng tác của ông là vì quần chúng. Chính những con người lao động cần cù dũng cảm đã tiếp sức cho Nguyễn Đình Chiểu, cho trí tuệ, tình cảm, lòng tin và cả nghệ thuật của ông, và cũng chính cái nguồn quần chúng vô tận và có sức mạnh vô địch ấy đã làm cho nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu rất gần với văn học dân gian. Cái nhìn của Nguyễn Đình Chiểu là một cái nhìn dứt khoát chính tà, tấm lòng của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm lòng sôi sục căm thù và dạt dào tin tưởng, trên căn bản nó là cái nhìn của quần chúng, tấm lòng của quần chúng. Không có hoặc chưa có cái nhìn và tấm lòng ấy khó mà hiểu được nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu.

Sự gắn bó sâu xa với quần chúng là điểm nổi bật trong cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, là nhân tố chủ yếu đã tạo nên con người và sự nghiệp thơ văn của ông. Chính quần chúng hiểu Nguyễn Đình Chiểu hơn ai hết

và họ đã giữ gìn thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu còn lại cho đến ngày nay.

Hơn ai hết, Nguyễn Đình Chiểu tuy không thấy và viết được trực tiếp, nhưng bất cứ hoàn cảnh nào ông cũng sáng tác được, bất cứ đề tài nào ông cũng nói lên được lòng yêu nước chí thù giặc và đạo lý làm người.

Hơn 40 năm lao động sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu là cả một quá trình nghe ngóng, học hỏi, tìm hiểu, suy nghĩ và hành động. Nhà thơ đã cần mẫn, chăm chút gạn lọc tinh hoa trong hoàn cảnh xã hội dẫy đầy những sự kiện bi thương, ngang trái. Mỗi sáng tác của nhà thơ vì vậy có giá trị như một viên ngọc quý.

Xét về các mặt tư tưởng, nhân cách và nghệ thuật, Nguyễn Đình Chiểu thật xứng đáng là một nhà yêu nước lớn, nhà thơ lớn, nhà văn hóa lớn của dân tộc và của quê hương ta.

* * *

Đồng chí Phạm Văn Đồng trong bài viết cho Tạp chí văn học nhân kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, tháng 7-1963, đã viết : « Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng ». Vì sao đó chính là Nguyễn Đình Chiểu.

Nguyễn Đình Chiểu rất xứng đáng với danh hiệu cao quý một nhà thơ yêu nước lớn thời cận đại, một tấm gương tiêu biểu của nền văn hóa dân tộc, mà ánh sáng của trí tuệ và của tâm hồn ông chiếu tỏa thì mỗi bài thơ, bài văn, đặc biệt trong những thơ văn yêu nước chống Pháp. Những trang viết về một thời kỳ

lịch sử oanh liệt ấy có sức cổ vũ, thôi thúc hàng vạn, hàng triệu người trong sự nghiệp chiến đấu giải phóng đất nước suốt hơn một thế kỷ qua. Bằng tác phẩm của mình, ông đã cắm một cái mốc rất có ý nghĩa trên chặng đường phát triển của lịch sử văn học dân tộc. Bằng đạo đức và nhân cách sống của mình ông cũng đã để lại cho đời một tấm gương đẹp đẽ cao thượng.

Kỷ niệm 100 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu là dịp để cho mọi người chúng ta nhớ lại và suy nghĩ về những bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của ông. Điều đó rất cần thiết cho việc giáo dục và phát huy truyền thống văn hóa tinh thần cho nhân dân trên quê hương mà Nguyễn Đình Chiểu đã từng sống, làm việc và an nghỉ cuối cùng.

Tưởng nhớ Nguyễn Đình Chiểu còn có ý nghĩa noi gương ông, chúng ta chăm lo tốt hơn nữa sự nghiệp giáo dục, rèn luyện con người mới với nhân cách sống có đạo lý, sống vì nước, vì dân, vì hạnh phúc của tất cả mọi người.

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN BẾN TRE

Biên soạn nhân kỷ niệm 100 năm ngày mất của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
THÂN THẾ và SỰ NGHIỆP

Chịu trách nhiệm xuất bản :
VŨ HOÀNG
Biên tập, kỹ thuật :
NGUYỄN HỮU PHƯỚC
Trình bày bìa : ĐẶNG VĂN LONG
Sửa bản in : HOÀNG PHONG

In 3.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Xí nghiệp in Chiến Thắng Bến Tre
Xong ngày 27-6-1988 — Nộp lưu chiểu tháng 7-1988